

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2017- 2018
LỚP: TC. MTT 17

2 3 2 1 3 2 1 1 1 1 1 13

STT	Họ và tên		Năm sinh	GD	QP	CT	PL	AV	TH	TB MAY	MTTP	VL	ATLD	VKT	TB	Xếp loại	Xếp loại	Ghi chú
				TC	AN							MAY			Học kì	học lực	hạnh kiểm	
1	Bùi Thương	Huyền	05/9/2001	8.0	1.2	5.6	0.0	9.2	8.2	6.4	7.2	7.3	7.9	6.2	6.9	TB Khá	Trung bình	*
2	Lê	Huỳnh	09/9/1999	7.0	6.3	5.9	7.4	8.6	8.4	7.5	5.9	8.5	8.0	5.7	7.5	Khá	Trung bình	
3	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	24/11/2000	6.4	7.2	6.9	8.0	9.1	8.4	6.2	6.2	8.4	8.1	5.5	7.7	Khá	Trung bình	
4	Kim Thị Thanh	Nhã	27/6/2000	8.0	5.6	5.1	5.5	9.0	7.3	5.8	6.4	6.6	7.1	5.3	6.8	TB Khá	Tốt	
5	Phạm Anh	Quốc	13//5/1996	8.9	7.4	7.6	8.6	9.4	9.2	6.2	6.9	8.8	8.3	7.0	8.3	Giỏi	Tốt	
6	Trịnh Thị Tú	Quyên	12/10/2001	6.4	8.0	5.9	6.7	8.0	7.4	6.2	5.8	7.1	8.3	6.2	7.0	Khá	Trung bình	
7	Trần Thị Nhật	Quỳnh	21/6/2002	7.6	5.3	5.2	5.6	8.8	7.4	5.8	6.2	7.1	8.1	5.9	6.9	TB Khá	Khá	
8	Nguyễn Nhựt	Thư	20/3/1999	7.0	7.4	6.6	7.9	8.7	7.9	6.2	6.1	8.9	9.3	7.2	7.7	Khá	Trung bình	
9	Phan Huyền	Trân	09/8/2002	7.7	7.0	6.1	6.3	8.8	8.8	6.0	6.5	8.4	9.1	6.2	7.6	Khá	Trung bình	
10	Trần Nguyễn Ngọc	Trúc	28/02/2002	7.3	6.9	6.5	7.0	9.0	7.9	6.2	6.1	7.9	8.2	6.8	7.5	Khá	Trung bình	
11	Diệp Thị Xuân	Tươi	14/02/2002	7.1	7.2	6.4	7.9	8.9	8.5	6.1	6.4	8.0	8.3	6.7	7.7	Khá	Trung bình	
12	Bùi Thương	Huyền	05/9/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Kém	Trung bình	*

Kết quả học tập:		12 hs	
Xuất sắc	0 hs	Chiếm	0.0%
Giỏi	1 hs	Chiếm	8.3%
Khá	7 hs	Chiếm	58.3%
Trung bình khá	3 hs	Chiếm	25.0%
Trung bình	0 hs	Chiếm	0.0%
Yếu	0 hs	Chiếm	0.0%
Kém	1 hs	Chiếm	8.3%

Người lập biểu



Hoàng Thị Nguyệt

Bạc Liêu, ngày ..16...tháng...4...năm 2018

Phòng Đào Tạo



Phạm Văn Anh